

Số: 35 / TC-KT

(V/v: Ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán
đối với Báo cáo tài chính năm 2023)

Hà nội, ngày 01 tháng 04 năm 2024

**KÍNH GỬI: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất số 200/2024/BCKTHN-PB.00407 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần LILAMA3 do Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam-Chi nhánh phía Bắc phát hành ngày 01 tháng 04 năm 2024

Liên quan tới Báo cáo tài chính năm 2023 được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam-Chi nhánh Phía Bắc trong đó ý kiến Kiểm toán không chấp nhận toàn phần đối với báo cáo. Để làm rõ nội dung này, Công ty cổ phần LILAMA3 xin giải trình như sau:

+ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đính kèm không bao gồm Hợp nhất báo cáo tài chính công ty con là Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long do: cuối năm 2018 và đầu năm 2019 đơn vị mua lại 36% cổ phần của Công ty xây dựng số 8 Thăng Long từ Tổng Công ty Thăng Long và mua lại 36% cổ phần từ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC). Hiện đơn vị là Công ty mẹ của Công ty xây dựng số 8 Thăng Long với tỷ lệ 72% vốn cổ phần. Theo quy định đơn vị phải thực hiện hợp nhất bao gồm cả báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long tuy nhiên do Công ty này đã dừng hoạt động từ vài năm nay, chưa giải quyết được các tồn đọng cũ, các số liệu về báo cáo tài chính từ năm 2015;2016;2017;2018 của Công ty này cung cấp đều chưa được Kiểm toán. Do mới tiếp nhận lại và đang thực hiện nắm bắt lại tình hình thực tế tại Công ty này nên đơn vị chưa công nhận số liệu đã được cung cấp. Đơn vị đã lên kế hoạch mời đơn vị Kiểm toán vào rà soát kiểm tra lại các số liệu sổ sách, khi số liệu được Kiểm toán đơn vị sẽ thực hiện Hợp nhất báo cáo tài chính theo quy định.

+ Báo cáo tài chính năm 2017; 2018; 2019; 2020; 2021; 2022 và năm 2023 của Công ty cổ phần LILAMA3.4 chưa được kiểm toán là do Công ty này đã dừng hoạt động từ năm 2017, các cán bộ công nhân viên của công ty đã chuyển công tác, hiện tại Công ty đang tập trung giải quyết các vấn đề còn tồn đọng.

+ Công ty đang trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 4.110.000.000 đồng do sau khi mua lại khoản nợ phải thu của Công ty Cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long từ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) và mua lại 72% cổ phần của Công ty CP xây dựng số 8 Thăng Long. Đơn vị có phát sinh Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công



ty XD số 8 Thăng Long trong việc sử dụng, khai thác Văn phòng và nhà kho tại địa chỉ số 86 Tân Xuân- Phường Xuân Đình- Q.Bắc Từ Liêm- TP Hà Nội. Sau khi hoàn thành biên bản đối chiếu, xác nhận khối lượng hoàn thành, công nợ, Đơn vị sẽ cần trừ một phần công nợ của hợp đồng hợp tác đầu tư để giảm nợ phải thu của Công ty XD số 8 Thăng Long nên đơn vị chưa thực hiện trích lập dự phòng

+ Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, đơn vị Kiểm toán chưa nhận được thư xác nhận của một số khoản công nợ phải thu khách hàng, công nợ phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2023 là do một số khách hàng đã tạm dừng hoạt động, thay đổi trụ sở làm việc, thay đổi pháp nhân dẫn đến đơn vị chưa có cơ sở xác nhận đối chiếu. Đối với công nợ tạm ứng chưa có đối chiếu là do đây là khoản công nợ cũ từ nhiều năm trở về trước công ty đã tạm ứng cho các đơn vị thi công các công trình, tuy nhiên các Đội trưởng của các đơn vị này hiện đã nghỉ việc từ lâu nên không thể ký được đối chiếu, Công ty cũng đã trích lập dự phòng những khoản công nợ này.

+ Khoản Lỗi lũy kế của Công ty vượt quá Vốn chủ sở hữu, khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty vượt so với tài sản ngắn hạn là do khoản nợ phải trả Ông Doãn Thanh Tuấn số tiền 144.757.200.000,đồng. Trong năm 2022, Công ty đã có thỏa thuận với Ông Doãn Thanh Tuấn về việc hoán đổi nợ thành cổ phiếu tương ứng đồng thời Ông Doãn Thanh Tuấn cam kết sẽ hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tìm kiếm việc làm, tái cấu trúc tài chính cho doanh nghiệp thông qua phê duyệt các biện pháp cơ cấu tài chính để doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng âm Vốn chủ sở hữu.

Vậy Công ty cổ phần LILAMA 3 xin giải trình cho Quý Cơ quan và Quý nhà đầu tư được biết.

Trân trọng!

Nơi nhận

- Như kính gửi
- Lưu TC-KT

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3



[Signature]

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đinh Tiến Thành



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
	Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	9
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
	Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 3 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Lilama 3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/03/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 ngày 22/06/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 số 2600104526 ngày 13/04/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

- Trụ sở chính : Số 86 đường Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : (84.4) 3818 2554
- Fax : (84.4) 3818 2550

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2023 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Thành	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hải Phong	Thành viên	
Ông Doãn Thanh Tuấn	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Thành viên	
Ông Đinh Tiến Thành	Thành viên	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Bà Hà Thị Thanh Huyền	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 05/05/2023
Ông Tạ Như Điền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 05/05/2023
Ông Hoàng Trọng Kim	Kiểm soát viên	
Ông Đặng Anh Tuấn	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 05/05/2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Đinh Tiến Thành	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tăng Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hải Phong	Phó Tổng Giám đốc	

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau: Ông Đinh Tiến Thành - Tổng Giám đốc (sinh ngày 06/12/1981; Dân tộc Kinh, Quốc tịch Việt Nam; Thẻ căn cước công dân số 037081005363 do Cục Cảnh sát về quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021; Địa chỉ thường trú: tổ 17 Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam; Chỗ ở hiện nay: P1007 R4R KĐT GoldMark 136 Hồ Tùng Mậu, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

8. Cam kết về công bố thông tin

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Đình Hiên Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 01 tháng 04 năm 2024



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 3 (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 04 năm 2024, từ trang 7 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đính kèm không bao gồm hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long theo quy định hiện hành. Chúng tôi không được cung cấp các bằng chứng, hồ sơ kiểm toán nào liên quan đến nguyên nhân không thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long cũng như không được cung cấp Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của việc nếu thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Báo cáo tài chính năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023 của Công ty cổ phần Lilama 3.4 chưa được kiểm toán. Do hạn chế về phạm vi kiểm toán, chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu và tồn tại của tổng giá trị tài sản 28.394.459.795 VND của Công ty con này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 khi hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất và cũng không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu chênh lệch ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 hay không.
- Công ty trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 4.110.000.000 VND. Điều này dẫn đến chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" (mã số 137) và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp phản ánh thừa số tiền 4.110.000.000 VND. Đồng thời chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (mã số 26) và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (mã số 60) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 phản ánh thiếu số tiền nêu trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

- Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu khách hàng, công nợ phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng) và các khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn (giá trị cụ thể tại các thuyết minh 5.2, 5.4 và 5.13). Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với số dư công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như việc ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 khoản lỗ lũy kế ghi nhận trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty là 186.737.389.718 VND, vượt quá vốn chủ sở hữu là 135.237.389.718 VND. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt so với tài sản ngắn hạn với giá trị là 137.628.323.094 VND. Các dấu hiệu trên cho thấy khả năng hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào việc góp bổ sung vốn điều lệ của các Cổ đông, việc giãn yêu cầu thanh toán của các chủ nợ cũng như các phương án tái cơ cấu tài chính khác để duy trì hoạt động.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề được nêu tại đoạn “cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



VŨ GIANG NAM

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5246 - 2021 - 009 - 1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

- CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 01 tháng 04 năm 2024

NGUYỄN VĂN VINH

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5023 - 2020 - 009 - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 – DN/HN

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		205.559.348.006	201.292.310.387
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	166.020.960	430.736.858
1. Tiền	111		166.020.960	430.736.858
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		166.714.994.026	162.161.069.610
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	111.507.768.359	109.583.681.249
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.631.223.700	5.448.764.563
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	27.552.315.179	30.133.554.953
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(51.744.016.325)	(55.772.634.268)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		72.767.703.113	72.767.703.113
IV/ Hàng tồn kho	140	5.7	38.246.552.132	38.214.273.285
1. Hàng tồn kho	141		38.246.552.132	38.214.273.285
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		431.780.888	486.230.634
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		431.780.888	431.780.888
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	-	54.449.746
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.396.900.834	3.091.120.211
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		711.319.240	909.421.520
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	711.319.240	909.421.520
- Nguyên giá	222		24.385.960.765	25.633.568.947
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.674.641.525)	(24.724.147.427)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		72.835.000	104.050.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(72.835.000)	(104.050.000)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		1.275.187.028	1.263.650.205
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	1.275.187.028	1.263.650.205
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	165.602.506	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.280.000.000	4.280.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		165.602.506	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.280.000.000)	(4.280.000.000)
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		244.792.060	918.048.486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	244.792.060	918.048.486
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		207.956.248.840	204.383.430.598

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 – DN/HN

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		353.307.144.181	348.247.384.435
I/ Nợ ngắn hạn	310		353.295.892.294	348.236.132.548
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	40.130.014.735	47.866.085.727
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	10.774.295.783	10.143.387.580
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	10.569.332.301	9.019.027.815
4. Phải trả người lao động	314		3.638.022.012	4.281.695.374
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	27.376.760.640	21.304.528.367
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	78.037.344.093	80.560.500.020
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	182.720.330.229	175.011.115.164
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		49.792.501	49.792.501
II/ Nợ dài hạn	330		11.251.887	11.251.887
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		11.251.887	11.251.887
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(145.350.895.341)	(143.863.953.837)
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.19	(145.350.895.341)	(143.863.953.837)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.500.000.000	51.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		51.500.000.000	51.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		148.165.347	148.165.347
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		18.120.534	18.120.534
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(192.936.313.362)	(192.454.928.228)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(193.526.865.218)	(232.988.845.871)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		590.551.856	40.533.917.643
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(4.080.867.860)	(3.075.311.490)
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		207.956.248.840	204.383.430.598



Đình Tiên Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 02 – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	90.304.566.293	63.318.587.237
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		90.304.566.293	63.318.587.237
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	76.795.790.027	55.238.758.871
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.508.776.266	8.079.828.366
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.214.045	177.618.657
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3.181.265.644	2.763.112.712
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.120.450.175	2.763.112.712
8. Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	8.072.719.928	10.182.934.646
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.256.004.739	(4.688.600.335)
12. Thu nhập khác	31	6.6	427.685.958	50.826.964.741
13. Chi phí khác	32	6.7	2.227.502.779	5.598.247.780
14. Lợi nhuận khác	40		(1.799.816.821)	45.228.716.961
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		456.187.918	40.540.116.626
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		456.187.918	40.540.116.626
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		522.026.248	40.533.917.643
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(65.838.330)	6.198.983
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	101	7.871
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	27	2.133



Đình Tiến Thành
Tổng Giám đốc
 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 03 – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	456.187.918	40.540.116.626
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	198.102.280	682.937.073
- Các khoản dự phòng	03	1.570.181.718	2.320.072.055
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(21.358.720)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.214.045)	(4.939.226.789)
- Chi phí lãi vay	06	3.120.450.175	2.763.112.712
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.343.708.046	41.345.652.957
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.965.964.027)	(20.666.309.721)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(32.278.847)	607.700.371
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(5.412.957.013)	220.826.620.356
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	673.256.426	1.506.639.527
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.190.372.770)	(4.013.021.292)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.584.608.185)	239.607.282.198
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.536.823)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	4.207.407.408
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	11.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.214.045	770.517
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	677.222	4.208.177.925
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	64.547.344.559	39.892.077.141
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(58.228.129.494)	(283.803.097.871)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.319.215.065	(243.911.020.730)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(264.715.898)	(95.560.607)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	430.736.858	526.297.465
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	166.020.960	430.736.858



Đình Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lilama 3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/03/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 ngày 22/06/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 số 2600104526 ngày 13/04/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 86 đường Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 51.500.000.000 VND, tổng số cổ phần là 5.150.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là hoạt động xây lắp.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Thi công, xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, dân dụng, giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng, đường điện và trạm biến thế;
- Khảo sát, thiết kế tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; tư vấn thiết kế công nghiệp các công trình sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Thiết kế, đóng mới tàu thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn, sửa chữa thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện đường thủy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thi công xây dựng: san ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ;
- Lắp ráp thiết bị, máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Chế tạo và lắp đặt: thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- Kinh doanh thương mại hợp nhất, nguyên vật liệu giấy, khí hóa lỏng và các chất đốt các loại; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ.

1.4 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, công ty có 2 công ty con, 2 đơn vị trực thuộc và 1 công ty liên kết, cụ thể:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Lilama 3.4 (công ty con)	Số 927 Hùng Vương, Việt Trì, Phú Thọ	59,36%	59,36%
Công ty Cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long (công ty con)	Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	72%	72%
Xí nghiệp Lilama 3.1	Cụm CN Bạch Hạc, Việt Trì, Phú Thọ	Chi nhánh	
Trung tâm tư vấn thiết kế	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Chi nhánh	
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo (công ty liên kết)	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	49%	49%

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

Công ty đã bán một phần vốn đầu tư tại Công ty TNHH Lilama 3 – Dai Nippon Toryo (DNT) cho cá nhân khác tại ngày 29/12/2023. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại DNT giảm xuống còn 49% và không còn là công ty con từ thời điểm này.

1.5 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.6 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần LILAMA 3.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 82 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 103 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các Công ty con

Các Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập đến ngày 31/12/2023.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo của kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho đến ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn Cổ phần

Thặng dư vốn Cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn Cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn Cổ phần".

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

4.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được khách hàng xác nhận trong năm thông qua các bảng hợp nhất khối lượng công việc hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thường và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Nếu doanh nghiệp có hợp đồng có rủi ro lớn, thì nghĩa vụ nợ hiện tại theo hợp đồng phải được ghi nhận và đánh giá như một khoản dự phòng. Hợp đồng có rủi ro lớn là hợp đồng mà trong đó chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt quá lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó.

4.12 Giá vốn

Phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng hóa tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho mất mát, hao hụt, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có)).

Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng bao gồm: Chi phí nhân công tại công trường; Chi phí nguyên liệu, vật liệu, bao gồm cả thiết bị cho công trình; Khấu hao máy móc, thiết bị và các TSCĐ khác sử dụng để thực hiện hợp đồng; Chi phí vận chuyển, lắp đặt, tháo dỡ máy móc, thiết bị và nguyên liệu, vật liệu đến và đi khỏi công trình; Chi phí thuê nhà xưởng, máy móc, thiết bị để thực hiện hợp đồng; Chi phí thiết kế và trợ giúp kỹ thuật liên quan trực tiếp đến hợp đồng; Chi phí dự tính để sửa chữa và bảo hành công trình; Các chi phí liên quan trực tiếp khác. (Chi phí liên quan trực tiếp của từng hợp đồng sẽ được giảm khi có các khoản thu nhập khác không bao gồm trong doanh thu của hợp đồng. Ví dụ: Các khoản thu từ việc bán nguyên liệu, vật liệu thừa, thu thanh lý máy móc, thiết bị thi công khi kết thúc hợp đồng.)

Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng xây dựng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng, bao gồm: Chi phí bảo hiểm; Chi phí thiết kế và trợ giúp kỹ thuật không liên quan trực tiếp đến một hợp đồng cụ thể; Chi phí quản lý chung trong xây dựng.

Các chi phí trên được phân bổ theo các phương pháp thích hợp một cách có hệ thống theo tỷ lệ hợp lý và được áp dụng thống nhất cho tất cả các chi phí có các đặc điểm tương tự. Việc phân bổ cần dựa trên mức thông thường của hoạt động xây dựng.

4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, dụng cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm giảm số lỗ được chuyển khi tính thuế TNDN.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN**4.17 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền mặt	52.933.877	188.531.937
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	113.087.083	242.204.921
Cộng	166.020.960	430.736.858

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	24.000.065.063	-	24.000.065.063	-
Phải thu khách hàng khác				
Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam	8.043.020.677	-	6.974.803.117	-
Công ty Cổ phần Lisemco	7.166.882.001	(7.166.882.001)	7.166.882.001	(7.166.882.001)
Công ty Cổ phần Giấy Bãi Bằng	4.650.967.168	(5.283.708.000)	4.650.967.168	(5.283.708.000)
Công ty CP Đầu tư công nghệ Hưng Vượng	7.421.374.793	-	5.497.300	-
Các khách hàng khác	60.225.458.657	(31.890.056.833)	66.785.466.600	(32.039.056.833)
Cộng	111.507.768.359	(44.340.646.834)	109.583.681.249	(44.489.646.834)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	<i>VND</i>	Dự phòng <i>VND</i>	Giá trị <i>VND</i>	Dự phòng <i>VND</i>
Trả trước bên liên quan				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	1.417.533.400	-	649.433.400	-
Trả trước các khách hàng khác				
Công ty Cổ phần Ngọc Việt Linh	868.188.137	-	868.188.137	(868.188.137)
Công ty cổ phần Đầu tư công nghệ Hưng Vượng	937.634.580			
Các khoản khác	3.407.867.583	(2.753.380.421)	3.931.143.026	(1.885.192.284)
Cộng	6.631.223.700	(2.753.380.421)	5.448.764.563	(2.753.380.421)

5.4 Các khoản phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị <i>VND</i>	Dự phòng <i>VND</i>	Giá trị <i>VND</i>	Dự phòng <i>VND</i>
Tiền tạm ứng cho CBNV	8.564.159.840	(4.458.010.666)	8.376.703.645	(4.485.628.102)
Phải thu khác	18.988.155.339	(4.018.656.919)	21.756.851.308	(4.043.978.911)
Cộng	27.552.315.179	(8.476.667.585)	30.133.554.953	(8.529.607.013)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

5.5 Nợ xấu

		31/12/2023			01/01/2023	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng		44.772.968.319	(40.513.968.319)		48.599.646.834	(44.489.646.834)
- Công ty Cổ phần Lisemco	> 3 năm	7.166.882.001	(7.166.882.001)	> 3 năm	7.166.882.001	(7.166.882.001)
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	> 3 năm	4.206.430.034	(4.206.430.034)	> 3 năm	4.206.430.034	(4.206.430.034)
- Công ty Cổ phần Giấy Bãi Bằng	> 3 năm	5.283.708.000	(5.283.708.000)	> 3 năm	5.283.708.000	(5.283.708.000)
- BQLDA Nhà máy bột giấy Phương Nam (Tcty giấy VN)	> 3 năm	2.663.068.439	(2.663.068.439)	> 3 năm	2.663.068.439	(2.663.068.439)
- Công ty TNHH KC COTTRELL Việt Nam	> 3 năm	1.913.994.851	(1.913.994.851)	> 3 năm	1.913.994.851	(1.913.994.851)
- Công ty Cổ phần Chế tạo máy - TKV		-	-	> 3 năm	1.915.071.667	(1.915.071.667)
- Công ty Cổ phần LILAMA5		-	-	> 3 năm	1.841.160.504	(1.841.160.504)
- Công ty TNHH MTV Phiabjooc		-	-	> 3 năm	1.455.082.688	(1.455.082.688)
- Công ty Cổ phần LILAMA Thí nghiệm cơ điện		-	-	> 3 năm	1.240.824.355	(1.240.824.355)
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	> 3 năm	4.110.000.000	-	> 3 năm	4.110.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư công nghệ Hưng Vượng		-	-	> 3 năm	1.504.736.200	(1.504.736.200)
- Đối tượng khác	> 3 năm	19.428.884.994	(19.279.884.994)	2-3 năm, > 3 năm	15.298.688.095	(15.298.688.095)
Phải thu khác		8.476.667.585	(8.476.667.585)		8.529.607.013	(8.529.607.013)
- Tạm ứng nhân viên	> 3 năm	4.458.010.666	(4.458.010.666)	> 3 năm	4.485.628.102	(4.485.628.102)
- Đối tượng khác	> 3 năm	4.018.656.919	(4.018.656.919)	> 3 năm	4.043.978.911	(4.043.978.911)
Trả trước cho người bán		2.753.380.421	(2.753.380.421)		2.753.380.421	(2.753.380.421)
- Công ty Cổ phần Ngọc Việt Linh	> 3 năm	868.188.137	(868.188.137)	> 3 năm	868.188.137	(868.188.137)
- Đối tượng khác	> 3 năm	1.885.192.284	(1.885.192.284)	> 3 năm	1.885.192.284	(1.885.192.284)
Cộng		56.003.016.325	(51.744.016.325)		59.882.634.268	(55.772.634.268)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2023		01/01/2023	
	Số lượng VND	Giá trị VND	Số lượng VND	Giá trị VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i)	-	71.391.018.932	-	71.391.018.932
Tài sản khác	-	1.376.684.181	-	1.376.684.181
Cộng	-	72.767.703.113	-	72.767.703.113

(i): Chi phí đầu tư dự án Nhà máy Bạch học chưa đủ điều kiện quyết toán theo quy định.

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.596.256.564	-	2.559.098.067	-
Công cụ, dụng cụ	345.113	-	1.457.528	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	34.649.950.455	-	35.508.311.054	-
Hàng hóa	-	-	145.406.636	-
Cộng	38.246.552.132	-	38.214.273.285	-

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	33.331.818	455.193.471
Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	8.660.000
Các khoản khác	211.460.242	454.195.015
Cộng	244.792.060	918.048.486

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN**5.9 Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2023	104.050.000	104.050.000
Số dư tại 31/12/2023	104.050.000	104.050.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư tại 01/01/2023	104.050.000	104.050.000
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2023	104.050.000	104.050.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2023	-	-
Số dư tại 31/12/2023	-	-

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	01/01/2023 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	31/12/2023 VND
Nâng cấp Sửa chữa NM Bến Gót- Việt Trì	359.867.043	11.536.823	371.403.866
XD Xưởng sản xuất bột giấy Yên Lập	577.910.298	-	577.910.298
Xây dựng hạ tầng khu C1	325.872.864	-	325.872.864
	1.263.650.205	11.536.823	1.275.187.028

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 – DN/HN

5.11 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2023	3.746.100.789	9.358.152.911	12.355.843.884	173.471.363	25.633.568.947
Phân loại lại	-	88.345.456	(88.345.456)	-	-
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(392.409.091)	(822.699.091)	(32.500.000)	(1.247.608.182)
Số dư tại 31/12/2023	3.746.100.789	9.054.089.276	11.444.799.337	140.971.363	24.385.960.765
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/01/2023	3.746.100.789	9.238.826.240	11.565.749.035	173.471.363	24.724.147.427
Khấu hao trong năm	-	61.822.008	136.280.272	-	198.102.280
Phân loại lại	-	70.649.532	(70.649.532)	-	-
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(392.409.091)	(822.699.091)	(32.500.000)	(1.247.608.182)
Số dư tại 31/12/2023	3.746.100.789	8.978.888.689	10.808.680.684	140.971.363	23.674.641.525
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2023	-	119.326.671	790.094.849	-	909.421.520
Số dư tại 31/12/2023	-	75.200.587	636.118.653	-	711.319.240
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:					
Số dư tại 01/01/2023	3.746.100.789	7.992.985.730	10.693.292.974	173.471.363	22.605.850.856
Số dư tại 31/12/2023	3.746.100.789	9.000.473.154	10.918.445.702	173.471.363	23.838.491.008

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 – DN/HN

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	4.280.000.000	(4.280.000.000)	-	4.280.000.000	(4.280.000.000)	-
Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	4.280.000.000	(4.280.000.000)	(i)	4.280.000.000	(4.280.000.000)	(i)
Cộng	4.280.045.291	(4.280.000.000)	-	4.280.044.927	(4.280.000.000)	-

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị theo PP VCSH VND	Giá gốc VND	Giá trị theo PP VCSH VND
Đầu tư vào công ty liên kết	5.586.000.000	165.602.506	-	-
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	5.586.000.000	165.602.506	-	-
Cộng	5.586.000.000	165.602.506	-	-

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu tại 01/01/2023	Số phải nộp tại 01/01/2023	Số phải nộp, tăng khác trong năm	Số thực nộp trong năm	Số phải thu tại 31/12/2023	Số phải nộp tại 31/12/2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	7.390.389.121	2.826.888.824	1.246.193.118	-	8.971.084.827
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.449.746	-	54.449.746	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	158.699.559	121.794.094	96.233.760	-	184.259.893
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	164.786.120	-	-	-	164.786.120
Các loại thuế khác	-	1.305.153.015	79.001.338	134.952.892	-	1.249.201.461
Cộng	54.449.746	9.019.027.815	3.082.134.002	1.477.379.770	-	10.569.332.301

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

5.14 Phải trả người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư công nghệ Hưng Vượng	937.634.580	937.634.580	7.124.514.355	7.124.514.355
Công ty Cổ phần Công trình đường thủy VINAWACO	2.136.323.282	2.136.323.282	2.136.323.282	2.136.323.282
Công ty CP Hồng Mã	1.500.000.000	1.500.000.000	2.048.810.761	2.048.810.761
Phải trả đối tượng khác	35.556.056.873	35.556.056.873	36.556.437.329	36.556.437.329
Cộng	40.130.014.735	40.130.014.735	47.866.085.727	47.866.085.727

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn	2.101.516.200	2.101.516.200	2.101.516.200	2.101.516.200
Tổng Công ty Viễn Thông Quân Đội- Viettel	785.000.000	785.000.000	785.000.000	785.000.000
Khách hàng khác	7.887.779.583	7.887.779.583	7.256.871.380	7.256.871.380
Cộng	10.774.295.783	10.774.295.783	10.143.387.580	10.143.387.580

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình	18.610.781.132	12.809.008.891
Trích trước thuê cơ sở hạ tầng	6.263.649.456	6.155.761.288
Chi phí khác	2.502.330.052	2.339.758.188
Cộng	27.376.760.640	21.304.528.367

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.601.796.665	1.601.796.665	1.645.289.503	1.645.289.503
Bảo hiểm xã hội	45.516.350.545	45.516.350.545	44.050.298.014	44.050.298.014
Lãi vay phải trả	49.557.334	49.557.334	119.479.929	119.479.929
Phải trả khác	30.869.639.549	30.869.639.549	34.745.432.574	34.745.432.574
Cộng	78.037.344.093	78.037.344.093	80.560.500.020	80.560.500.020

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay các bên liên quan	146.147.200.000	146.147.200.000	1.390.000.000	-	144.757.200.000	144.757.200.000
Ông Doãn Thanh Tuấn (i)	144.757.200.000	144.757.200.000			144.757.200.000	144.757.200.000
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo (ii)	1.390.000.000	1.390.000.000	1.390.000.000	-	-	-
Vay các đối tượng khác	36.573.130.229	36.573.130.229	64.547.344.559	58.228.129.494	30.253.915.164	30.253.915.164
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Ba Đình (iii)	26.975.502.229	26.975.502.229	38.810.344.559	37.823.129.494	25.988.287.164	25.988.287.164
Vay cá nhân khác(iv)	9.597.628.000	9.597.628.000	25.737.000.000	20.405.000.000	4.265.628.000	4.265.628.000
Cộng	182.720.330.229	182.720.330.229	65.937.344.559	58.228.129.494	175.011.115.164	175.011.115.164

- (i) Các khoản nợ vay, nợ phải trả mà Ông Doãn Thanh Tuấn đã mua lại từ Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) thông qua đấu giá tại Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội ngày 19/01/2022 với giá trị là 381.559.015.129 VND, trong đó số tiền gốc là 148.705.200.000 VND, số tiền lãi là 232.853.815.129 VND. Theo biên bản thoả thuận cơ cấu xử lý khoản nợ ngày 02/12/2022 giữa Công ty và ông Doãn Thanh Tuấn thì ông Tuấn đã đồng ý xoá nợ khoản lãi phải trả với số tiền là 232.853.815.129 VND và đồng ý không tính lãi đối với phần nợ gốc còn lại từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023. Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2023 là 144.757.200.000 VND, dự kiến được cơ cấu lại theo biên bản thoả thuận thông qua phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ với số lượng cổ phiếu hoán đổi là 13.850.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu tương đương số nợ gốc là 138.500.000.000 VND.
- (ii) Vay Công ty TNHH Lilama 3 – Dai Nippon Toryo theo hợp đồng vay số 0212/HĐVV ký ngày 01 tháng 08 năm 2012 với thời hạn là 03 tháng và mức lãi suất là 14%/năm. Khoản cho vay ngắn hạn này không có tài sản đảm bảo. Khoản vay đã được gia hạn đến ngày 01 tháng 02 năm 2020 và được điều chỉnh lãi suất xuống còn 9%/năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Giá trị 1.390.000.000 VND tăng trong năm là do Công ty đã thoái vốn tại Công ty DNT và không loại trừ khoản công nợ nội bộ khi hợp nhất nữa.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/399106/HĐTD ngày 17/02/2023 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức đến hết 31/12/2023. Hạn mức cấp tín dụng là 49 tỷ VND. Lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản theo Hợp đồng Tài sản đảm bảo với Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình.
- (iv) Vay ngắn hạn của cá nhân để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay từ 6-12 tháng, lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng BIDV + 3,5% (cộng thêm 3,5%), hình thức đảm bảo: tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

5.19 Vốn chủ sở hữu**5.19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2022	51.500.000.000	14.250.000.000	7.321.404.463	252.309.767	(487.500.089.349)	(3.081.510.473)	(417.257.885.592)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	40.533.917.643	6.198.983	40.540.116.626
Tăng do được xoá nợ	-	-	-	-	232.853.815.129	-	232.853.815.129
Tăng khác (i)	-	-	-	-	21.657.428.349	-	21.657.428.349
Giảm khác (i)	-	(14.250.000.000)	(7.173.239.116)	(234.189.233)	-	-	(21.657.428.349)
Số dư tại 31/12/2022	51.500.000.000	-	148.165.347	18.120.534	(192.454.928.228)	(3.075.311.490)	(143.863.953.837)
Số dư tại 01/01/2023	51.500.000.000	-	148.165.347	18.120.534	(192.454.928.228)	(3.075.311.490)	(143.863.953.837)
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	590.551.856	(65.838.330)	524.713.526
Giảm khác (ii)	-	-	-	-	(1.071.936.990)	(939.718.040)	(2.011.655.030)
Số dư tại 31/12/2023	51.500.000.000	-	148.165.347	18.120.534	(192.936.313.362)	(4.080.867.860)	(145.350.895.341)

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2022 đã thông qua phương án sử dụng nguồn thặng dư vốn cổ phần và các quỹ để bù đắp lỗ lũy kế.
- (ii) Công ty đã bán một phần vốn đầu tư tại Công ty TNHH Lilama 3 – Dai Nippon Toryo (DNT) cho cá nhân khác tại ngày 29/12/2023. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại DNT giảm xuống còn 49% và không còn là công ty con từ thời điểm này.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN**5.19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Doãn Thanh Tuấn	25.630.000.000	49,77%	25.630.000.000	49,77%
Vốn góp của cổ đông khác	25.870.000.000	50,23%	25.870.000.000	50,23%
Cộng	51.500.000.000	100%	51.500.000.000	100%

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	51.500.000.000	51.500.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.500.000.000	51.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông	51.500.000.000	51.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.500.000.000	51.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông	51.500.000.000	51.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	90.304.566.293	63.318.587.237
Cộng	90.304.566.293	63.318.587.237

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	76.795.790.027	55.238.758.871
Cộng	76.795.790.027	55.238.758.871

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.214.045	770.517
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	155.489.420
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	21.358.720
Cộng	1.214.045	177.618.657

6.4 Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.120.450.175	2.763.112.712
Lỗ chênh lệch tỷ giá	60.815.469	-
Cộng	3.181.265.644	2.763.112.712

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.790.404.353	4.044.821.271
Chi phí đồ dùng văn phòng	857.861.431	1.483.983.612
Chi phí khấu hao TSCĐ	129.405.272	129.405.272
Thuế, phí và lệ phí	44.298.083	34.202.460
Chi phí dự phòng	(201.939.428)	2.320.072.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.452.690.217	2.170.449.976
Cộng	8.072.719.928	10.182.934.646

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN**6.6 Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	4.938.456.272
Thu nhập từ công nợ phải trả không xác định được chủ nợ đã xóa sổ	-	25.974.314.090
Thu nhập khác kế thừa từ DATC	-	19.890.065.063
Thu nhập khác	427.685.958	24.129.316
Cộng	427.685.958	50.826.964.741

6.7 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại TSCĐ bàn giao cho chủ nợ để xử lý tài sản đảm bảo	-	3.071.280.404
Chi phí phạt vi phạm hành chính	-	2.136.628.272
Chi phí tận thu phế liệu	-	13.893.909
Chi phí khác	2.227.502.779	376.445.195
Cộng	2.227.502.779	5.598.247.780

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	522.026.248	40.533.917.643
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	522.026.248	40.533.917.643
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.150.000	5.150.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	101	7.871

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN**6.9 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	522.026.248	40.533.917.643
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	522.026.248	40.533.917.643
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.150.000	5.150.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành từ nguồn vốn CSH	13.850.000	13.850.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27	2.133

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	16.417.082.802	9.858.239.803
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	21.763.627.478	35.123.949.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	198.102.280	682.937.073
Chi phí dự phòng	(201.939.428)	2.320.072.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác	45.522.091.357	16.070.895.802
Cộng	83.698.964.489	64.056.094.005

6.11 Công cụ tài chính**Quản lí rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

Các loại công cụ tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2023		01/01/2023		31/12/2023	01/01/2023
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	VND	VND
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	166.020.960	-	430.736.858	-	166.020.960	430.736.858
Phải thu khách hàng	111.507.768.359	(44.340.646.834)	109.583.681.249	(44.489.646.834)	67.167.121.525	65.094.034.415
Phải thu khác	18.988.155.339	(8.476.667.585)	21.756.851.308	(8.529.607.013)	10.511.487.754	13.227.244.295
	130.661.944.658	(52.817.314.419)	131.771.269.415	(53.019.253.847)	77.844.630.239	78.752.015.568
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	182.720.330.229	-	175.011.115.164	-	182.720.330.229	175.011.115.164
Phải trả người bán	40.130.014.735	-	47.866.085.727	-	40.130.014.735	47.866.085.727
Phải trả khác	30.919.196.883	-	34.864.912.503	-	30.919.196.883	34.864.912.503
	253.769.541.847	-	257.742.113.394	-	253.769.541.847	257.742.113.394

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính			
Tại ngày 31/12/2023			
Vay và nợ	182.720.330.229	-	182.720.330.229
Phải trả người bán	40.130.014.735	-	40.130.014.735
Phải trả khác	30.919.196.883	-	30.919.196.883
Cộng	253.769.541.847	-	253.769.541.847
Tại ngày 01/01/2023			
Vay và nợ	175.011.115.164	-	175.011.115.164
Phải trả người bán	47.866.085.727	-	47.866.085.727
Phải trả khác	34.864.912.503	-	34.864.912.503
Cộng	257.742.113.394	-	257.742.113.394

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính			
Tại ngày 31/12/2023			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.101.423.416	-	6.101.423.416
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.401.062.260	-	6.401.062.260
Cộng	12.502.485.676	-	12.502.485.676
Tại ngày 01/01/2023			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.784.746.249	-	1.784.746.249
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.207.063.400	-	5.207.063.400
Cộng	6.991.809.649	-	6.991.809.649

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.12 Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh chế tạo, lắp đặt thiết bị cũng như chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

7 THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt:

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm nay	Năm trước
Lương, thù lao HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng			
Nguyễn Tiến Thành	Chủ tịch HĐQT	286.321.325	267.938.649
Đình Tiến Thành	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	294.173.143	265.551.742
Nguyễn Hải Phong	Thành viên HĐQT - Phó TGD	251.527.769	132.523.504
Doãn Thanh Tuấn	Thành viên HĐQT	250.240.364	-
Nguyễn Tăng Phương	Phó TGD	245.082.400	211.899.290
Tạ Như Điển	Trưởng ban kiểm soát	192.487.910	183.089.430
Hoàng Trọng Kim	Kiểm soát viên	362.900.873	250.198.467
Đặng Anh Tuấn	Kiểm soát viên	103.794.156	-
Nguyễn Đức Thịnh	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	276.844.855	235.835.567

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Ông Doãn Thanh Tuấn	Cổ đông lớn - Thành viên HĐQT	Giảm nợ vay	-	236.801.815.129
Công ty cổ phần Xây Dựng số 8 Thăng Long	Công ty con	Thu nhập khác	-	19.890.065.063
		Thuê cơ sở hạ tầng	327.272.728	-

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và số liệu so sánh năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

7.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 khoản lỗ lũy kế ghi nhận trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty là 186.737.389.718 VND, vượt quá vốn chủ sở hữu là 135.237.389.718 VND. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt so với tài sản ngắn hạn với giá trị là 137.628.323.094 VND. Các dấu hiệu trên cho thấy khả năng hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào việc góp bổ sung vốn điều lệ của các Cổ đông, việc giãn yêu cầu thanh toán của các chủ nợ cũng như các phương án tái cơ cấu tài chính khác để duy trì hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024 sẽ khả quan, do đó theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

7.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính



Đình Tiên Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập biểu

37